TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TỈNH THÁI NGUYÊN **CHI NHÁNH TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT KHU VỰC I**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 379/TB-CNTTPTQĐKVI	*Thái Nguyên, ngày 28 tháng 9 năm 2026*

THÔNG BÁO

Về việc công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án: Khu dân cư mới đường Vành đai 1, xã Cổ Lũng (Đợt 4)

Căn cứ Luật Đất đai năm 2024;

Căn cứ Nghị Quyết số 254/2025/QH15, ngày 11/12/2025 của Quốc Hội về việc quy định một số cơ chế, chính sách tháo gỡ khó khăn, vướng mắc trong tổ chức thi hành Luật đất đai;

Căn cứ Nghị định số 88/2024/NĐ-CP, ngày 15/7/2024 của Chính phủ quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;

Căn cứ Nghị định số 102/2024/NĐ-CP, ngày 30/7/2024 của Chính phủ về việc quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất đai 2024;

Căn cứ Nghị định số 151/2025/NĐ-CP, ngày 12/6/2025 của Chính phủ về việc quy định về phân định của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai; Quyết định số 2418/QĐ-BNNMT, ngày 28/6/2025 của Bộ Nông nghiệp và Môi trường về việc đính chính Nghị định số 151/2025/NĐ-CP, ngày 12/6/2024 của Chính phủ về việc quy định về phân định của chính quyền địa phương 02 cấp, phân quyền, phân cấp trong lĩnh vực đất đai;

Căn cứ Nghị định số 226/2025/NĐ-CP, ngày 15/8/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai;

Căn cứ Nghị quyết số 33/NQ-HĐND, ngày 10/12/2025 của Hội đồng nhân dân tỉnh Thái Nguyên Ban hành quy định về Bảng giá đất lần đầu năm 2026 trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 15/2026/QĐ-UBND, ngày 27/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 16/2026/QĐ-UBND, ngày 30/3/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc Ban hành Quy định về đơn giá bồi thường thiệt hại thực tế về nhà, nhà ở, công trình phục vụ đời sống và công trình xây dựng gắn liền với đất và mức bồi thường chi phí tháo dỡ, di chuyển, lắp đặt tài sản khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 27/2026/QĐ-UBND, ngày 13/5/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc Ban hành đơn giá bồi thường thiệt hại về cây trồng, vật nuôi, rừng tự nhiên, rừng trồng và hỗ trợ di dời vật nuôi khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 82/2026/QĐ-UBND, ngày 30/6/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên về việc ban hành trình tự, thủ tục hành chính về đất đai trên địa bàn tỉnh Thái Nguyên;

Căn cứ Quyết định số 1230/QĐ-UBND, ngày 23/5/2025 của UBND huyện Phú Lương về việc phê duyệt Dự án Khu dân cư mới đường Vành đai 1, xã Cổ Lũng;

Căn cứ Kế hoạch số 06/KH-UBND, ngày 10/01/2025 của UBND huyện Phú Lương về việc thu hồi đất, điều tra, khảo sát, đo đạc, kiểm đếm thực hiện Dự án: Khu dân cư mới đường Vành đai 1, xã Cổ Lũng;

Căn cứ Thông báo thu hồi đất số 110/TB-UBND, ngày 27/3/2026 của UBND xã Vô Tranh Để thực hiện Dự án Khu dân cư mới đường Vành đai 1, xã Cổ Lũng.

Căn cứ Thông báo thu hồi đất số 436/TB-UBND, ngày 25/9/2026 của UBND xã Vô Tranh Để thực hiện Dự án Khu dân cư mới đường Vành đai 1, xã Cổ Lũng.

Căn cứ Công văn số 275/UBND-KT, ngày 03/3/2026 của UBND xã Vô Tranh về việc xác định hộ, cá nhân trực tiếp SXNN; tỷ lệ % đất nông nghiệp thu hồi, Vị trí thửa đất, nguồn gốc sử dụng đất của các hộ gia đình, cá nhân thuộc phạm vi thu hồi đất dự án Khu dân cư mới đường Vành đai 1, xã Cổ Lũng.

Căn cứ Công văn số 577/UBND-KT, ngày 11/4/2026 của UBND xã Vô Tranh về việc xác định các nội dung về tài sản trên đất làm cơ sở lập phương án bồi thường, hỗ trợ và tái định cư dự án Khu dân cư mới đường Vành đai 1, xã Cổ Lũng.

Căn cứ Biên bản xác định vị trí thửa đất ngày 03 tháng 3 năm 2026.

Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực I, công khai dự thảo phương án bồi thường, hỗ trợ, tái định cư để thực hiện bồi thường, hỗ trợ GPMB dự án: Khu dân cư mới đường Vành đai 1, xã Cổ Lũng. Địa điểm công khai tại trụ sở UBND xã Vô Tranh, nhà văn hóa xóm Phú Đạt và gửi đến các hộ dân có đất bị thu hồi để các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân và các thành phần có liên quan thuộc quy hoạch dự án được biết và tham gia đóng góp ý kiến.

Thời gian niêm yết là 10 ngày làm việc *(kể từ ngày 28/9/2026 đến hết ngày 12/10/2026).*

Trong thời gian niêm yết nếu các hộ gia đình, cá nhân có ý kiến thắc mắc về phương án bồi thường, hỗ trợ thì ghi vào ***"Phiếu lấy ý kiến"*** và nộp lại cho Chi nhánh Trung tâm Phát triển quỹ đất khu vực I hoặc thông qua Trưởng xóm hoặc UBND xã Vô Tranh.

Hết thời gian công khai nêu trên, Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực I sẽ tổng hợp ý kiến và hoàn chỉnh hồ sơ trình cấp có thẩm quyền phê duyệt theo quy định.

(Có biểu phương án chi tiết kèm theo)

Vậy, Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực I thông báo để các tổ chức, các hộ gia đình được biết và phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận:
- UBND xã Vô Tranh;
- Phòng Xây dựng, Nông nghiệp và Môi trường xã Vô Tranh;
- Trưởng xóm Phú Đạt;
- Các hộ dân có đất thu hồi;
- Lưu: VT, PNV2. (Việt)

KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TỈNH THÁI NGUYÊN
CHI NHÁNH TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT KHU VỰC I

Đào Quốc Tấn

PHỤ LỤC SỐ 01

CHI NHÁNH TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT KHU VỰC I

BẢNG TỔNG HỢP DỰ THẢO PHƯƠNG ÁN BỒI BỒI THƯỜNG. HỖ TRỢ KHI NHÀ NƯỚC THU HỒI ĐẤT

Dự án: Khu dân cư mới đường Vành đai 1, xã Cổ Lũng

(Kèm theo Thông báo số 379/TB-CNTTPTQĐKVI, ngày 28 tháng 09 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực I)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Địa chỉ thửa đất	Bồi thường đất nông nghiệp (Đồng)	Hỗ trợ ổn định đời sống (Đồng)	Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm (Đồng)	Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh (Đồng)	Bồi thường sản lượng, cây cối (Đồng)	Bồi thường tài sản nhà cửa, vật kiến trúc (Đồng)	Thưởng bàn giao MB (Đồng)	Hỗ trợ đối với đất cùng thửa đất ở (đồng)	Bồi thường, hỗ trợ di dời mồ mả (Đồng)	Tổng số tiền bồi thường. hỗ trợ TĐC (Đồng)
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13=4+....+12*
1	Mai Khánh Toàn (Mai Khánh Thắng)	Xóm Phú Đạt, xã Vô Tranh	60.198.000	20.260.800	180.594.000	10.033.000	49.179.832	9.324.315	5.016.500		120.135.785	**454.742.232**
2	Nguyễn Thị Dung	Xóm Phú Đạt, xã Vô Tranh	3.054.600	13.507.200	9.163.800	1.697.000	1.022.924	68.390.993	509.100			**97.345.618**
3	Nguyễn Duy Hưng	Xóm Phú Đạt, xã Vô Tranh	2.710.500	-	8.131.500	417.000	3.200.000		208.500	326.715.000		**341.382.500**
4	Đặng Quốc Đạt (Phan Thị Vân)	Xóm Phú Đạt, xã Vô Tranh	60.583.600	27.014.400	181.750.800	25.662.000	41.758.845		8.212.600			**344.982.245**
5	Đặng Việt Tân	Xóm Phú Đạt, xã Vô Tranh	39.402.600	16.884.000	118.207.800	21.573.000	32.137.963		6.505.500			**234.710.863**
	Tổng cộng		**165.949.300**	**77.666.400**	**497.847.900**	**59.382.000**	**127.299.565**	**77.715.308**	**20.452.200**	**326.715.000**	**120.135.785**	**1.473.163.458**

PHỤ LỤC 02

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TỈNH THÁI NGUYÊN
CHI NHÁNH TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT KHU VỰC I

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG ĐẤT NÔNG NGHIỆP

Dự án: Khu dân cư mới đường Vành đai 1, xã Cổ Lũng

(Kèm theo Thông báo số 379/TB-CNTTPTQĐKVI, ngày 28 tháng 09 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực I)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Số định danh	Nơi thường trú	Nơi ở hiện nay	Số điện thoại (nếu có)	Vị trí thửa đất thu hồi	Bản đồ địa chính					Nguồn gốc đất	Bồi thường đất nông nghiệp		Ghi chú
							Số tờ (mới)	Số tờ (cũ)	Số thửa	Diện tích thu hồi (m^2)	Loại đất		Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*	*13*	*14*	*15=11*14*	*18*
1	Mai Khánh Toàn (Mai Khánh Thắng)	019066009304	Xóm Phú Đạt, xã Vô Tranh	Xóm Phú Đạt, xã Vô Tranh	0984259439					**1.003,3**				**60.198.000**	
						VT1	258	56	85	1.003,3	CLN	GCNQSDĐ	60.000	60.198.000	
2	Nguyễn Thị Dung	019162000838	Xóm Phú Đạt, xã Vô Tranh	Xóm Phú Đạt, xã Vô Tranh	0975410507					**169,7**				**3.054.600**	
						VT1	258	56	120	169,7	RSX	GCNQSDĐ	18.000	3.054.600	
3	Nguyễn Duy Hưng	019075009765	Xóm Phú Đạt, xã Vô Tranh	Xóm Phú Đạt, xã Vô Tranh	0979564872					**41,7**				**2.710.500**	
						VT1	258	56	63	40,4	BHK	Chưa cấp	65.000	2.626.000	
						VT1	258	56	63	1,3	BHK	Chưa cấp	65.000	84.500	*Ngoài QH*
4	Đặng Quốc Đạt (Phan Thị Vân)	019077008390	Xóm Phú Đạt, xã Vô Tranh	Xóm Phú Đạt, xã Vô Tranh	0972443158					**2.566,2**				**60.583.600**	
						VT1	259	57	76	166,0	LUC	GCNQSDĐ	74.000	12.284.000	
						VT1	259	57	106	25,8	LUC	GCNQSDĐ	74.000	1.909.200	
						VT1	259	57	106	65,2	LUC	GCNQSDĐ	74.000	4.824.800	*Ngoài QH*
						VT1	259	57	317	2309,2	RSX	Chưa cấp	18.000	41.565.600	
5	Đặng Việt Tân	019085009940	Xóm Phú Đạt, xã Vô Tranh	Xóm Phú Đạt, xã Vô Tranh						**2.157,3**				**39.402.600**	
						VT1	259	57	297	16,8	NTS	GCNQSDĐ	52.000	873.600	
						VT1	259	57	69	2140,5	RSX	GCNQSDĐ	18.000	38.529.000	
Tổng cộng										**5.938,2**				**165.949.300**	

PHỤ LỤC 03

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH ĐỜI SỐNG, HỖ TRỢ ĐÀO TẠO CHUYỂN ĐỔI NGHỀ VÀ TÌM KIẾM VIỆC LÀM VÀ THƯỞNG BÀN GIAO MẶT BẰNG

Dự án: Khu dân cư mới đường Vành đai 1, xã Cổ Lũng

(Kèm theo Thông báo số 379/TB-CNTTPTQĐKVI, ngày 28 tháng 09 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực I)

ĐVT: đồng

TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Bản đồ địa chính					Hỗ trợ ổn định đời sống theo Khoản 1, Điều 19, Nghị định 88/2014/NĐ-CP của Chính phủ					Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm theo Điều 6, Quyết định 15/2026-QĐ-UBND của UBND tỉnh Thái Nguyên		Thưởng bàn giao mặt bằng theo Khoản 2, Điều 10, Quyết định 15/2026-QĐ-UBND của UBND tỉnh Thái Nguyên		Tổng cộng (Đồng)	Ghi chú
		Số tờ (mới)	Số tờ (cũ)	Số thửa	Diện tích thu hồi (m^2)	Loại đất	Tỷ lệ phần trăm thu hồi đất (%)	Số khẩu được hỗ trợ (Khẩu)	Thời gian hỗ trợ (tháng)	Đơn giá gạo (đồng)	Thành tiền (Đồng)	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)		
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11=8*9*30kg gạo*đơn giá 1kg gạo*	*12*	*13=5*12*3 lần*	*14*	*15=5*14*	*16=11+13+15*	*17*
1	Mai Khánh Toàn (Mai Khánh Thắng)				**1.003,3**						**20.260.800**		**180.594.000**		**5.016.500**	**205.871.300**	
		258	56	85	1.003,3	CLN	Từ 30% đến 70%	6	6	18.760	20.260.800	60.000	180.594.000	5.000	5.016.500		
2	Nguyễn Thị Dung				**169,7**						**13.507.200**		**9.163.800**		**509.100**	**23.180.100**	
		258	56	120	169,7	RSX	< 30%	4	6	18.760	13.507.200	18.000	9.163.800	3.000	509.100		
3	Nguyễn Duy Hưng				**41,7**						**-**		**8.131.500**		**208.500**	**8.340.000**	
		258	56	63	40,4	BHK	< 30%	Đã hỗ trợ tại Quyết định số 768/QĐ-UBND ngày 28/7/2026 của UBND xã Vô Tranh				65.000	7.878.000	5.000	202.000		
		258	56	63	1,3	BHK						65.000	253.500	5.000	6.500		
4	Đặng Quốc Đạt				**2566,2**						**27.014.400**		**181.750.800**		**8.212.600**	**216.977.800**	
		259	57	76	166	LUC	Từ 30% đến 70%	4	12	18.760	27.014.400	74.000	36.852.000	5.000	830.000		*Phải di chuyển chỗ ở*
		259	57	106	25,8	LUC						74.000	5.727.600	5.000	129.000		
		259	57	106	65,2	LUC						74.000	14.474.400	5.000	326.000		
		259	57	317	2309,2	RSX						18.000	124.696.800	3.000	6.927.600		
5	Đặng Việt Tân				**2157,3**						**16.884.000**		**118.207.800**		**6.505.500**	**141.597.300**	
		259	57	297	16,8	NTS	Từ 30% đến 70%	5	6	18.760	16.884.000	52.000	2.620.800	5.000	84.000		
		259	57	69	2140,5	RSX						18.000	115.587.000	3.000	6.421.500		
Tổng cộng					**5.938,2**						**77.666.400**		**497.847.900**		**20.452.200**	**595.966.500**	

PHỤ LỤC 04

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT HỖ TRỢ ỔN ĐỊNH SẢN XUẤT, KINH DOANH VÀ HỖ TRỢ ĐẤT NÔNG NGHIỆP CÙNG THỬA ĐẤT Ở

Dự án: Khu dân cư mới đường Vành đai 1, xã Cổ Lũng

(Kèm theo Thông báo số 379/TB-CNTTPTQĐKVI, ngày 28 tháng 09 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực I)

ĐVT: đồng

TT	Họ và tên chủ sử dụng đất	Bản đồ địa chính					Hỗ trợ ổn định sản xuất, kinh doanh theo Khoản 6, điều 20, NĐ 88/2024/NĐ-CP của Chính phủ và khoản 1, điều 14, QĐ 15/2026/QĐ-UBND, ngày 27/03/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên.		Hỗ trợ đất nông nghiệp cùng thửa, có nguồn gốc cùng thửa đất ở theo khoản 12, điều 16, QĐ 15/2026/QĐ-UBND, ngày 27/03/2026 của UBND tỉnh Thái Nguyên.			Tổng cộng (Đồng)	Ghi chú
		Số tờ (mới)	Số tờ (cũ)	Số thửa	Diện tích thu hồi (m^2)	Loại đất	Đơn giá (Đồng)	Thành tiền (Đồng)	Diện tích thu hồi (m^2)	Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)		
1	*2*	*3*		*4*	*5*	*6*	*7*	*8=5*7*	*9*	*10*	*11*	*12=8+11*	*13*
1	Mai Khánh Toàn (Mai Khánh Thắng)				**1.003,3**			**10.033.000**				**10.033.000**	
		258	56	85	1.003,3	CLN	10.000	10.033.000					
2	Nguyễn Thị Dung				**169,7**			**1.697.000**				**1.697.000**	
		258	56	120	169,7	RSX	10.000	1.697.000					
3	Nguyễn Duy Hưng				**41,7**			**417.000**			**326.715.000**	**327.132.000**	
		258	56	63	40,4	BHK	10.000	404.000					
		258	56	63	1,3	BHK	10.000	13.000					
		258	56	456	284,1	CLN			284,1	1.150.000	326.715.000		
4	Đặng Quốc Đạt				**2566,2**			**25.662.000**				**25.662.000**	
		259	57	76	166	LUC	10.000	1.660.000					
		259	57	106	25,8	LUC	10.000	258.000					
		259	57	106	65,2	LUC	10.000	652.000					
		259	57	317	2309,2	RSX	10.000	23.092.000					
5	Đặng Việt Tân				**2157,3**			**21.573.000**				**21.573.000**	
		259	57	297	16,8	NTS	10.000	168.000					
		259	57	69	2140,5	RSX	10.000	21.405.000					
Tổng cộng					**5.938,2**			**59.382.000**			**326.715.000**	**386.097.000**	

Phụ lục 5

PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG CÂY CỐI, HOA MẦU TRÊN ĐẤT THU HỒI

Dự án: Khu dân cư mới đường Vành đai 1, xã Cổ Lũng

(Kèm theo Thông báo số 379/TB-CNTTPTQĐKVI, ngày 28 tháng 09 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực I)

Đơn vị tính: Đồng

STT	Họ và tên, Danh mục tài sản	ĐVT	Thông số, quy cách, kích thước	Diện tích đất trồng cây thực tế (m2)	Số lượng cây trồng thực tế	Mật độ	Diện tích, số lượng cây trồng chính theo mật độ (m2, cây)	Số lượng cây trồng xen canh theo mật độ quy định	Đơn giá bồi thường theo QĐ số 27/2026 ngày 13/5/2026	Thành tiền	Tổng cộng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
1	**Mai Khánh Toàn (Mai Khánh Thắng), Xóm Phú Đạt**									**49.179.832**	**49.179.832**
*	Cây cối trên thửa đất số 85, tờ bản đồ số 258 (56), loại đất CLN, diện tích 1.003,3m2			**1.003,3**							
	Keo năm thứ 4 trở đi	Cây	Chu vi: 0,3m; cao 6m		30	6,25	30		95.488	2.864.629	
	Keo năm thứ 4 trở đi	Cây	Chu vi: 0,6m; cao 8m		120	6,25	120		281.793	33.815.204	
	Quất	Cây	Cây có quả, ĐKG > 4cm		50	16		50	250.000	12.500.000	
2	**Nguyễn Thị Dung, Xóm Phú Đạt**									**1.022.924**	**1.022.924**
*	Cây cối trên thửa đất số 120, tờ bản đồ số 258 (56), loại đất RSX, diện tích 169,7m2			**169,7**							
	Quất	Cây	ĐK gốc >3cm đến 4cm		2	16	2		130.000	260.000	
	Ổi	Cây	ĐK gốc D=3cm		1	16,67	1		160.000	160.000	
	Nhót	Cây	(1,5*1,5); ĐK gốc >3cm đến 5cm		1		1		170.000	170.000	
	Sấu	Cây	Chu vi 0,37m, cao 4m		1		1		192.924	192.924	
	Chuối lá	Khóm	Có buồng non		2	5	2		120.000	240.000	
3	**Nguyễn Duy Hưng, Xóm Phú Đạt**									**3.200.000**	**3.200.000**
*	Cây cối trên thửa đất số 63, tờ bản đồ số 258 (56), loại đất BHK, diện tích 41,7m2			**41,7**							
	Đu đủ	Cây	Cây có quả		8	5	8		400.000	3.200.000	

STT	Họ và tên; Danh mục tài sản	DVT	Thông số, quy cách, kích thước	Diện tích đất trồng cây thực tế (m2)	Số lượng cây trồng thực tế	Mật độ	Diện tích, số lượng cây trồng chính theo mật độ (m2, cây)	Số lượng cây trồng xen canh theo mật độ quy định	Đơn giá bồi thường theo QĐ số 27/2026 ngày 13/5/2026	Thành tiền	Tổng cộng
1	*2*	*3*	*4*	*5*	*6*	*7*	*8*	*9*	*10*	*11*	*12*
4	**Đặng Quốc Đạt, Xóm Phú Đạt**									**41.758.845**	**41.758.845**
*	Cây cối trên thửa đất số 317, tờ bản đồ số 259 (57), loại đất RSX; DT 2.309,2 m2			**2.309,2**							
	Keo (năm thứ 4)	Cây	Chu vi 0,3m; cao 6m		160,0	6,25	160,0		95.488	15.278.021	
	Keo (năm thứ 4)	Cây	Chu vi 0,33m; cao 6m		176,0	6,25	176,0		104.516	18.394.868	
	Xoan (năm thứ 6)	Cây	Chu vi 0,3m; cao 6m		1,0	6,25	1,0		129.531	129.531	
	Lát (năm thứ 6 trở đi)	Cây	Chu vi 0,63m; cao 8m		1,0	10	1,0		1.291.426	1.291.426	
	Vú sữa	cây	ĐK gốc >30cm đến 40cm		1,0	33,33	1,0		2.765.000	2.765.000	
	Chanh	cây	ĐK gốc >4cm đến 7cm		10,0	16	10,0		390.000	3.900.000	
5	**Đặng Việt Tân, Xóm Phú Đạt**									**32.137.963**	**32.137.963**
*	Cây cối trên thửa đất số 69; tờ bản đồ số 259 (57) loại đất RSX; DT 2.140,5m2			**2.140,5**							
	Vải	cây	ĐK gốc 80cm		1,0	25	1,0		2.860.000	2.860.000	
	Dạ hương	cây	Chu vi 1m; cao 8m		1,0	10	1,0		2.101.911	2.101.911	
	Dạ hương	cây	Chu vi 0,5m; cao 5m		1,0	10	1,0		328.424	328.424	
	Quất	cây	ĐK gốc >2cm đến 3cm		50,0	16	50,0		130.000	6.500.000	
	Quất	cây	ĐK gốc >3cm đến 4cm		23,0	16	23,0		130.000	2.990.000	
	Hồng xiêm	cây	ĐK gốc >3cm đến 5cm		26,0	25	26		265.000	6.890.000	
	Mai	cây	ĐK gốc <=6cm		26,0		26,0		15.000	390.000	
	Mai	cây	ĐK gốc 6cm <= D <10cm		65,0		65,0		25.000	1.625.000	
	Vầu	cây	ĐK gốc <=6cm		230,0		230,0		9.000	2.070.000	
	Vầu	cây	ĐK gốc 6cm <= D <10cm		300,0		300,0		17.000	5.100.000	
	Re hương	cây	Chu vi 0,72m; cao 8m		1,0	10	1,0		817.223	817.223	
	Lim xanh (trồng năm thứ 7)	cây	Chu vi 0,53m; cao 5m		1,0	10	1,0		465.406	465.406	
	Tổng Cộng										**127.299.565**

TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT TỈNH THÁI NGUYÊN
CHI NHÁNH TRUNG TÂM PHÁT TRIỂN QUỸ ĐẤT KHU VỰC I

PHỤ LỤC 06: PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT BỒI THƯỜNG THIỆT HẠI VỀ NHÀ, NHÀ Ở, CÔNG TRÌNH XÂY DỰNG

Dự án: Khu dân cư mới đường Vành đai 1, xã Cổ Lũng

(Kèm theo Thông báo số 379/TB-CNTTPTQĐKVI, ngày 28 tháng 09 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực I)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chủ hộ, địa chỉ, tên loại tài sản	ĐVT	Quy cách, kích thước tài sản	Số lượng	Hệ số bồi thường (H)	Bồi thường thiệt hại về nhà, nhà ở, công trình xây dựng		Tổng cộng theo hộ (đồng)
						Đơn giá (đồng)	Thành tiền (đồng)	
1	**Mai Khánh Toàn (Mai Khánh Thắng), Xóm Phú Đạt**							**9.324.315**
*	**Thửa 85, tờ BĐ 258 (56), loại đất CLN**							
	Đường đi đổ bê tông sỏi đá 1x2 mác 200	m3	26*1,65*0,15	6,44	1	1.449.000	9.324.315	
2	**Nguyễn Thị Dung, Xóm Phú Đạt**							**68.390.993**
	Thửa 120, DT 169,7m2, loại đất RSX							
	Móng xây đá hộc VXM M75	m3	(8,4+9,6+9,4+7)*1,8*0,8	49,54	1	1.186.000	58.749.696	
	Tường xây gạch chỉ không trát VTH M50	m3	(2*0,95*0,1)+(6,4+9,6+6)*0,1*0,4+(5+6,2)*0,1*1,8	3,09	1	1.755.000	5.415.930	
	Trụ xây gạch chỉ không trát VTH M50	m3	(0,22*0,22*1,8)*6	0,52	1	1.560.000	815.443	
	Lưới nhựa đen	m2	(6,4+9+9,6)*1,5	37,50	1	4.300	161.250	
	Thép hộp vuông 16x16mm	md	(6,4+9,6+9)*3	75,0	1	11.666	874.950	
	Thép V4	md	14*2	28,0	1	43.633	1.221.724	
	Mái lợp tôn xà gồ thép dày 0,4mm	m2	(1,5*2)*2	6,0	1	192.000	1.152.000	
Tổng cộng								**77.715.308**

PHỤ LỤC 7: PHƯƠNG ÁN CHI TIẾT GIÁ TRỊ BỒI THƯỜNG, HỖ TRỢ DI DỜI MỒ MẢ

Dự án: Khu dân cư mới Đường vành đai I, xã Cổ Lũng

(Kèm theo Thông báo số 379/TB-CNTTPTQĐKVI, ngày 28 tháng 09 năm 2026 của Chi nhánh Trung tâm phát triển quỹ đất khu vực I)

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chủ hộ, địa chỉ, tên loại tài sản	ĐVT	Quy cách, kích thước tài sản	Số lượng (Khối lượng)	Đơn giá (đồng)	Hệ số bồi thường (H)	Thành tiền (đồng)	Cộng theo hộ
1	**Mai Khánh Toàn (Mai Khánh Thắng)**							**120.135.785**
*	**Bồi thường công trình mộ**							
	Mộ đã cải táng	Cái/Ngôi		3	5.000.000	1	15.000.000	
	Hỗ trợ di dời mồ mả	Ngôi		3	10.000.000	1	30.000.000	
	Tự thu xếp địa điểm di chuyển mồ mả ngoài khu vực được bố trí	Ngôi		3	10.000.000	1	30.000.000	
	Chụp mộ ốp gạch giả đá Grannit loại 4 thớt. Có mái che	Cái	rộng 0,9m, dài 1,5m, cao 0,6m	3	5.000.000	1	15.000.000	
	Cây hương bằng bê tông giả đá loại 2 tầng, có mái che	Cái	rộng 0,8m, dài 1 m, cao 2,2m	1	8.500.000	1	8.500.000	
	Bệ cây hương xây gạch chỉ trát 4 mặt (xây các bộ phận kết cấu phức tạp khác bằng gạch đỏ) VXM M75	m3	0,8*0,95*0,65	0,494	2.045.000	1	1.010.230	
	Trát bệ VXM M50	m2	(0,8+0,95)*2*0,65	2,275	89.000	1	202.475	
	Móng cây hương xây gạch chỉ đỏ VTH M75	m3	0,8*0,95*0,5	0,38	1.473.000	1	559.740	
	Khối xây phần âm mộ xây gạch chỉ trát 1 mặt M50	m3	((0,9+1,4)*2*0,1*1)*3	1,38	1.755.000	1	2.421.900	
	Trát thành mộ VXM M50	m3	((0,9+1,4)*2*1)*3	13,8	89.000	1	1.228.200	
	Bó bờ xây gạch chỉ đỏ trát 1 mặt VTH M50	m3	14,2*0,1*0,5	0,71	1.755.000	1	1.246.050	
	Trát tường VXM M50	m2	14,2*0,5	7,1	89.000	1	631.900	
	Móng bó bờ xây gạch chỉ đỏ không trát VTH M75	m3	14,2*0,2*0,5	1,42	1.473.000	1	2.091.660	
	Nền lát gạch đất nung 40x40cm VXM M75	m2	6*5	30	207.000	1	6.210.000	
	Bó bờ tường xây gạch chỉ đỏ trát 1 mặt VTH M50	m3	(7,1+5)*0,3*0,1	0,363	1.755.000	1	637.065	
	Trát tường VXM M50	m2	(7,1+5)*0,3	3,63	89.000	1	323.070	
	Móng bó bờ xây gạch chỉ đỏ VTH M75	m3	(7,1+5)*0,3*0,5	1,815	1.473.000	1	2.673.495	
	Bia mộ đá khắc, không ảnh	Cái		4	600.000	1	2.400.000	
	TỔNG CỘNG							**120.135.785**